

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 83/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự khai, tự nộp thuế tài nguyên theo Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi) ngày 10 tháng 4 năm 1998;
Căn cứ Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi);
Căn cứ Quyết định số 197/2003/QĐ-TTg ngày 23/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện cơ chế cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế;
Căn cứ Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế đối với thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu sản xuất trong nước; thuế tài nguyên; thuế nhà, đất; thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế môn bài;
Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
Bộ Tài chính hướng dẫn việc thí điểm thực hiện cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế tài nguyên như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng thực hiện tự khai, tự nộp thuế đối với thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư này là các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 197/2003/QĐ-TTg ngày 23/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính (gọi chung là cơ sở kinh doanh).

II. ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI, NỘP THUẾ

1. Đăng ký thuế:

Cơ sở kinh doanh thực hiện thí điểm cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế tài nguyên tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp, không phải đăng ký lại với cơ quan thuế. Trong quá trình thực hiện thí điểm, nếu cơ sở kinh doanh có sự thay đổi nội dung các thông tin về đăng ký thuế, cơ sở kinh doanh phải thực hiện kê khai bổ sung với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo các quy định về đăng ký thuế hiện hành.

2. Kê khai thuế tài nguyên:

2.1. Kê khai thuế tài nguyên hàng tháng:

a) Hàng tháng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào các quy định hiện hành tính và kê khai thuế tài nguyên đầy đủ theo mẫu số 01/TNg ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ sở kinh doanh trong tháng không phát sinh thuế tài nguyên, cơ sở kinh doanh vẫn phải kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan thuế.

- Phải kê khai đầy đủ các chỉ tiêu trên tờ khai (mã số thuế, tên, địa chỉ, địa điểm khai thác tài nguyên...) và các thông tin có liên quan khác như đã đăng ký thuế với cơ quan thuế, đồng thời xác nhận tính pháp lý của việc kê khai (ký tên, đóng dấu). Trường hợp không kê khai đầy đủ theo đúng mẫu quy định hoặc chưa xác nhận tính pháp lý của việc kê khai thì coi như chưa nộp tờ khai cho cơ quan thuế.

- Thời hạn nộp tờ khai thuế tài nguyên của tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo. Cơ sở kinh doanh nộp tờ khai qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Ngày nộp tờ khai được xác định là ngày bưu điện đóng dấu gửi đi (đối với trường hợp gửi tờ khai qua bưu điện) hoặc là ngày cơ sở kinh doanh nộp tờ khai cho cơ quan thuế (đối với trường hợp nộp trực tiếp).

b) Đối với loại tài nguyên chưa xác định được căn cứ tính thuế tài nguyên thực tế phát sinh trong tháng để lập tờ khai thì cơ sở kinh doanh được xác định số thuế tài nguyên tạm nộp hàng tháng của loại tài nguyên đó theo nguyên tắc giá hạch toán. Theo đó, cơ sở kinh doanh xác định thuế tài nguyên tạm nộp trong tháng theo giá tính thuế đơn vị tài nguyên của năm trước liền kề hoặc giá kế hoạch (đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập) để lập Tờ khai thuế tài nguyên hàng tháng. Kết thúc năm, cơ sở kinh doanh xác định lại số thuế tài nguyên phải nộp theo giá tính thuế tài

nguyên thực tế và lập Tờ khai tự quyết toán thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại điểm 2.2 dưới đây.

c) Kê khai thuế tài nguyên dự kiến được miễn, giảm: Cơ sở kinh doanh thuộc diện được miễn, giảm thuế tài nguyên, hàng tháng căn cứ Pháp lệnh thuế tài nguyên và các văn bản hướng dẫn hiện hành để dự kiến số thuế được miễn, giảm và kê khai vào tờ khai tháng.

2.2. Tự quyết toán thuế tài nguyên:

a) Cơ sở kinh doanh thực hiện thí điểm tự khai, tự nộp thuế tài nguyên không phải thực hiện quyết toán thuế hàng năm với cơ quan thuế nhưng phải lập Tờ khai tự quyết toán thuế tài nguyên theo mẫu số 02/TNg. Tờ khai tự quyết toán thuế tài nguyên năm được lập và nộp cho cơ quan thuế để xác định số thuế tài nguyên thực tế phát sinh trong năm.

Thời hạn nộp Tờ khai tự quyết toán thuế tài nguyên là 60 ngày kể từ khi kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính. Trường hợp kết thúc hợp đồng khai thác tài nguyên; sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, cơ sở kinh doanh phải lập Tờ khai tự quyết toán thuế tài nguyên gửi cho cơ quan thuế trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng khai thác hoặc ngày quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, giao, bán, khoán, cho thuê.

b) Xác định số thuế tài nguyên được miễn, giảm: Cơ sở kinh doanh thuộc diện được miễn, giảm thuế tài nguyên, phải tự xác định số thuế tài nguyên được miễn, giảm theo số liệu thực tế, đồng thời lập hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế gửi đến cơ quan thuế theo quy định.

2.3. Cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của việc kê khai thuế tài nguyên và lưu giữ đầy đủ các chứng từ xác định số thuế tài nguyên đã kê khai.

3. Nộp thuế tài nguyên: